TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 14-4-2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Hoài Dinh
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Lê Thanh Phong
2/ Bà Trần Thị Đào
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:* Ông Trần Minh Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 696/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc: "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương An L, sinh năm 1968 – *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: số 27, hẻm số 13, đường số 111 Nguyễn Văn L1, ấp Năm T1, xã Trường Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: ấp Phước T2, xã Phước T3, huyện Châu T4, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Phạm Bạch T, sinh năm 1970 – *Vắng mặt.*

Địa chỉ: số 27, hẻm số 13, đường số 111 Nguyễn Văn L1, ấp Năm T1, xã Trường Đ, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: ấp Cẩm L2, xã Cẩm G2, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – Ông Dương An L trình bày:

Ông và bà T chung sống với nhau từ năm 1990, có tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Đ, thị xã H vào ngày 24-9-2012. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau trong cuộc sống và

trong vấn đề tiền bạc, dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ, cải vã, chung sống cùng nhau nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nên vào cuối năm 2016 vợ chồng sống ly thân cho đến nay và không ai có thiện chí đoàn tụ. Quá trình chung sống vợ chồng ông có 02 người con chung tên Dương Bạch L3, sinh năm 1993 và Dương Hữu T5, sinh năm 1996, hiện nay con ông đã thành niên và có gia đình riêng.

Nay ông L yêu cầu được ly hôn với bà T. Về con chung tất cả đều đã thành niên và có gia đình riêng, nên ông không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung, nợ chung ông không yêu cầu giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Bạch T đã vắng mặt, không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó không thể hiện được lời trình bày cũng như yêu cầu của bà T.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn của ông L đối với bà T. Về con chung tất cả đều đã thành niên và có gia đình riêng, nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông L và bà T tuy vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông L và bà T chung sống với nhau từ năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Đ, thị xã H vào ngày 24-9-2012. Do đó, hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay ông L có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của ông L thấy rằng: Mâu thuẫn của ông bà chủ yếu phát sinh từ việc bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng nhau trong vấn đề tiền bạc, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng của ông bà nhưng bà T không đến, chứng tỏ bà T

đã không quan tâm đến tình cảm của vợ chồng, không có thiện chí được đoàn tụ với ông L. Xét thấy, hôn nhân của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông L là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Dương Bạch L3, sinh năm 1993 và Dương Hữu T5, sinh năm 1996, hiện nay đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống được, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông L, bà T không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Từ những nhận định như trên, xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của ông.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn của ông Dương An L đối với bà Phạm Bạch T.

- Ông Dương An L được ly hôn bà Phạm Bạch T.

2. Về con chung: Ông L và bà T có 02 con chung tên Dương Bạch L3, sinh năm 1993 và Dương Hữu T5, sinh năm 1996, đã trên 18 tuổi và có khả năng tự lao động sinh sống được, nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Dương An L và bà Phạm Bạch T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Ông Dương An L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0025080 ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Ông L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Ông Dương An L và bà Phạm Bạch T được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND T. Tây Ninh;
- VKSND H. G;
- CCTHADS H. G;
- UBND xã Trường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hoài Dinh